

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG PHÚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2025
Về việc “Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Phi Hùng và ông Đoàn Trí Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Linh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Thành Thừa – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 288/2025/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1998; nơi cư trú: Tổ B, ấp P, xã P, tỉnh An Giang; Địa chỉ liên hệ: Ấp I, xã D, tỉnh Đồng Nai. Số Căn cước công dân 08918014338; (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lâm Văn L, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ B, ấp P, xã P, tỉnh An Giang. Số chứng minh nhân dân 352251637; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị Mỹ H và ông Lâm Văn L tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 07/8/. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung với cha mẹ chồng, bà H đi làm công nhân tại nhưng được hai tháng thì bà mang thai nên nghỉ việc, còn ông L làm bốc vác theo mùa vụ, hết mùa lúa thì ông ở nhà không đi làm gì

khác, do đó chi phí sinh hoạt của gia đình do cha mẹ hai bên cho. Đến năm 2021, bà phát hiện ông L cờ bạc (đá gà qua mạng, đánh số đề và chơi tài xỉu), bà có nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông L không sửa đổi, nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Do ông L chỉ chơi bởi nên cha mẹ chồng cho ra ở riêng để ông có trách nhiệm mà lo làm ăn, nhưng ông L đi làm vài ngày có tiền xài là lại nghỉ việc đến khi hết tiền mới chịu đi làm tiếp. Chi phí lo cho con do mẹ bà H cho, cuộc sống gia đình thiếu thốn mà ông L vẫn tiếp tục cờ bạc, dẫn đến thiếu nợ, nhiều lần cha mẹ chồng phải trả nợ thay. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đến tháng 9/2023 thì bà bỏ lên tỉnh Đồng Nai làm công nhân và vợ chồng không còn sống chung từ đó đến nay. Trong suốt thời gian vợ chồng ly thân, ông L không liên hệ với bà để hàn gắn, cũng không cho bà về thăm con. Mẹ bà H qua thăm cháu thì không cho gặp mà còn nói nếu gặp bà ở đâu sẽ đánh bà ở đó vì thế bà không thể về thăm con được. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Duy Đ, sinh ngày 02/6/2020 hiện nay đang sống với ông L. Bà H yêu cầu tiếp tục giao cháu Đ cho ông L nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông L không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có lý do.

Tại phiên tòa:

Bà H và ông L đều vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán được công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chấp hành chưa nghiêm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q; chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông L; giao cháu Lâm Duy Đ cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con; bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trưng tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Lâm Văn L có địa chỉ cư trú tại xã P, tỉnh An Giang. Bà H khởi kiện xin ly hôn với ông L, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang.

[1.2] Bà H khởi kiện xin ly hôn với ông L, yêu cầu giao con chung cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Ông L vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Do đó, Tòa án xác định quan hệ trông chấp của vụ án là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”.

[1.3] Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án, xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được và trình bày của các đương sự thể hiện: Bà H và ông L có chung sống với nhau như vợ như chồng vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 07/8/2020 (nay là xã P, tỉnh An Giang). Quan hệ hôn nhân này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đúng theo quy định của Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn, được ông Lâm Văn H1 là cha ruột của ông Lâm Văn L cho biết: Bà H kết hôn với ông L nhưng không cho gia đình ông L biết việc trước đó bà H đã có chồng và con. Sau khi kết hôn với ông L thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình. Hơn một năm trước bà H tự ý bỏ đi, bỏ lại đứa con chung với ông L tên Lâm Duy Đ cho ông L nuôi dưỡng. Từ đó đến nay bà H không trở lại thăm con, cũng không hàn gắn với ông L, cháu Đ hiện nay do ông L nuôi dưỡng. Ông L có nhận được thông báo của Tòa án, đồng ý ly hôn nhưng bận công việc nên không đến Tòa án được. Bà H nay đã có chồng khác nên ông H1 đề nghị Tòa án cho ông L ly hôn với bà H. Xét thấy, giữa bà H và ông L đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông L.

[2.2] Về con chung:

Bà H và ông L có 01 con chung tên là Lâm Duy Đ, sinh ngày 02/6/2020. Nay bà H yêu cầu Toà án giao cháu Đ cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng cho con. Ông L đã nhận được các thông báo của Toà án về yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông không có ý kiến phản đối. Xét thấy, từ thời điểm bà H và ông L không còn sống chung với nhau đến nay, thì cháu Đ vẫn sống với ông L, nay để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu Đ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H giao cháu Đ cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do ông L có không yêu cầu, nên bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp và người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H. Bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Lâm Văn L.

2. Về con chung:

Bà Huỳnh Thị H và ông Lâm Văn L có 01 (một) người con chung tên là Lâm Duy Đ, sinh ngày 02/6/2020. Giao cháu Đ cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012123 ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12-An Giang). Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 12;
- THA DS tỉnh An Giang;
- UBND xã Phú An, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Sơn